

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ - ST
Ngày 26/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nông Trung Kiên**

Bà **Nguyễn Thị Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị Ch, sinh năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản N. Xã N, huyện , tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Lường Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Ch và anh Quàng Văn T kết hôn với nhau vào ngày 05/11/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị Ch và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện,

không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không thành mà ngày càng trầm trọng. Chị Ch và anh T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm của chị với anh T không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị Ch đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quàng Văn T.

Về con chung: Chị Ch khai, chị và anh T có 01 con chung là Quàng Anh T, sinh ngày 07/7/2011. Nguyên vọng của chị Ch, con chung sẽ do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án và tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị Ch cho anh T biết để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh T không gửi ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Ngày 08/6/2023, TAND huyện Điện Biên ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 12/6/2023, anh T nộp bản tự khai cho Toà án có nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T công nhận có đăng ký kết hôn với chị Lương Thị Ch tại Ủy ban nhân dân xã Na Tông, huyện Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị Ch có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh T không nhất trí ly hôn, mặc dù tình cảm của anh với chị Ch đã không còn nhưng vì trong lúc cưới xin anh đã vay mượn tiền của anh em họ hàng để tổ chức đám cưới đàng hoàng và tài sản cưới xin chị Ch cất giữ. Nếu chị Ch trả cho anh số tiền vay mượn để tổ chức đám cưới thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh T khai, vợ chồng có 01 con chung là Quàng Anh T, sinh ngày 07/7/2011. Anh T có nguyện vọng được nuôi con chung vì hiện nay con chung đang ở cùng anh. Anh yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng. Hiện tại anh làm công nhân có mức thu nhập 7.000.000 đồng/ tháng và con chung anh đang gửi bố mẹ nuôi.

Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng: Không có

Tài sản chung: Anh T khai sẽ cung cấp và yêu cầu sau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến

trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, vi phạm các Điều 70; 72/BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81 Điều 82; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị Ch, giao con chung Quàng Anh T, sinh ngày 07/7/2011 cho chị Ch được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận việc chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Lường Thị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quàng Văn T. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Anh T cư trú tại bản Pa Kín 1, xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tòa án mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, Tòa án mở phiên tòa, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Ch có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238/BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lường Thị Ch và anh Quàng Văn T kết hôn ngày 05/11/2013, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị Ch và anh T kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ch và anh T đều khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không thành mà ngày càng trầm trọng. Tháng 11 năm 2016, anh, chị đã

sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tại biên bản xác minh ngày 31/3/2023, đại diện chính quyền xã Na Tông cung cấp, vợ chồng anh T chị Ch chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Đến năm 2020, anh T thường xuyên đi làm ăn xa, chị Ch cũng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Ch. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn giữa chị Ch và anh T là có thật, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Ch.

[2.2]. *Về con chung*: Chị Ch và anh T có 01 con chung là Quàng Anh T, sinh ngày 07/7/2011. Nguyện vọng của chị Ch có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng chị Ch. Hội đồng xét xử xét thấy. Anh T và chị Ch đều có nguyện vọng được nuôi con nhưng hiện nay anh T đi làm ăn xa, không trực tiếp nuôi con mà nhờ bố mẹ đẻ của anh T chăm sóc, cả hai anh chị đều không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, con chung có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con chung và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận sự nguyện vọng của chị Ch và cháu Tùng, giao con chung cho chị Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản*:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T khai tài sản chung sẽ kê khai và yêu cầu sau. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất anh T khai không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần tài sản giữa chị Ch và anh T trong vụ án này. Nếu anh T và chị Ch có yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Ch là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn, chị Ch có đơn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Ch được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lương Thị Ch được ly hôn anh Quàng Văn T.

2. *Về con chung:* Chị Lương Thị Ch được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Quàng Anh T, sinh ngày 07/7/2011 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản:* Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Không giải quyết

4. *Về án phí:* Chị Lương Thị Ch được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Lương Thị Ch và anh Quàng Văn T đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- UBND xã Mường Pôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Dương